

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÙNG

ĐẾN NĂM
2030,
TẦM NHÌN
ĐẾN NĂM
2045

TẬP
I

ST

NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung:	ThS. BÙI THỊ ÁNH HỒNG
	ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
	ThS. LÊ THỊ THU MAI
	ThS. CAO THỊ LAN ANH
	TR N PHAN BÍCH LIỄU
Trình bày bìa:	ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính:	HOÀNG MINH TÁM

Số đăng ký xuất bản: 4702-2023/CXBIPH/2-231/CTQG.
Giấy phép xuất bản số: 3085D-QĐ/NXBCTQG, ngày 22/12/2023
Mã số ISBN: 978-604-57-9268-1
In xong và nộp lưu chiểu 3/2023.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÙNG

ĐẾN NĂM
2030,
TẦM NHÌN
ĐẾN NĂM
2045

TẬP
I

NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phấn đấu đến năm 2030 nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Khai thác tốt hơn và phát huy tốt nhất các lợi thế của mỗi vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế - chính trị, nguồn nhân lực và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới”.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, năm 2022, lần đầu tiên Bộ Chính trị đã ban hành sáu nghị quyết về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh sáu vùng kinh tế trọng điểm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gồm: vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; vùng đồng bằng sông Hồng; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam Bộ; vùng đồng bằng sông Cửu Long và tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết trong toàn quốc. Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa và hướng dẫn triển khai thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị. Việc ban hành và triển khai thực hiện các nghị quyết về phương hướng phát triển kinh

tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng các vùng kinh tế trọng điểm quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có ý nghĩa quan trọng, tạo ý chí và khát vọng mới để khơi dậy tiềm năng phát triển các vùng kinh tế trong cả nước trên cơ sở đặc thù riêng có của từng vùng.

Nhằm hệ thống hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về định hướng phát triển các vùng; giúp các ngành, các cấp, các địa phương, các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và nhân dân nắm vững, quán triệt và triển khai có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng đất nước trong thời gian tới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản bộ sách ***Chiến lược phát triển vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*** (2 tập), gồm bài phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong các hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị; Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng kinh tế trọng điểm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị.

Chiến lược phát triển vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tập I gồm các bài phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và hệ thống các văn bản về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 3 vùng kinh tế trọng điểm: vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; vùng đồng bằng sông Hồng; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ. Các văn bản trong cuốn sách đã phản ánh quan điểm chỉ đạo, định hướng giải pháp và chương trình hành động,

mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên cơ sở đánh giá đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, tiềm lực quốc phòng - an ninh của từng vùng nhằm khơi dậy, phát huy thế mạnh của mỗi vùng trong chuỗi liên kết nội vùng, liên kết vùng trong tổng thể quốc gia.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2023

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Phần I

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

**NỖ LỰC PHẤN ĐÁU, TẠO SỰ CHUYỂN BIẾN MẠNH MỀ HƠN NỮA
TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH
Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ***

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương

Đảng Cộng sản Việt Nam

Hôm nay, chúng ta tổ chức Hội nghị toàn quốc (trực tiếp kết hợp với trực tuyến) để phổ biến, quán triệt những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cả nước cũng như trong vùng, nhằm sớm đưa Nghị quyết quan trọng này vào cuộc sống, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về phát triển vùng. Sự có mặt đông đủ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư,

* Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, ngày 15/4/2022. Đầu đề do Ban Biên tập đặt.

các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các ban, bộ, ngành Trung ương và toàn bộ 14 tỉnh trong vùng đã thể hiện tinh thần nghiêm túc, ý chí và quyết tâm cao của chúng ta trong việc đổi mới xây dựng, ban hành, tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển vùng - một vấn đề có ý nghĩa chiến lược, không chỉ đối với các vùng mà còn đối với cả nước. (Thời gian qua, chúng ta đã tổ chức một số hội nghị toàn quốc để quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng, Nghị quyết của Trung ương theo *lĩnh vực* hoặc theo *ngành dọc*; còn đây là Hội nghị toàn quốc đầu tiên để quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển vùng, hay nói cách khác là theo *địa bàn*, theo *khu vực*. Dự kiến tuần tới chúng ta sẽ tổ chức hội nghị tương tự để quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long; tiếp đó, từ nay đến cuối năm sẽ tổng kết, xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết về bốn vùng còn lại).

Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư và với tình cảm cá nhân, tôi xin nhiệt liệt hoan nghênh và chào mừng tất cả các đồng chí tham dự Hội nghị ở trung tâm Hà Nội cũng như tại các điểm cầu, đặc biệt là tại điểm cầu các tỉnh trung du và miền núi Bắc Bộ. Mong các đồng chí tập trung nghiên cứu, thảo luận, tiếp thu sâu sắc và tổ chức thực hiện thật tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị, đáp ứng mục đích, yêu cầu đề ra.

Thưa các đồng chí,

Ban Tổ chức Hội nghị đã báo cáo, phổ biến đầy đủ với các đồng chí về chương trình, nội dung, cách thức tiến hành

Hội nghị. Nghị quyết của Bộ Chính trị cũng đã được gửi tới các đồng chí; nội dung rất rõ ràng, dễ hiểu; các đồng chí cần nghiên cứu trực tiếp, kỹ lưỡng. Để giúp các đồng chí hiểu rõ hơn, sâu hơn, tôi chỉ xin gợi mở, nhấn mạnh và làm rõ thêm một số vấn đề; và cũng chỉ tập trung vào trả lời ba câu hỏi: (1) Vì sao lúc này Bộ Chính trị lại bàn và ra Nghị quyết về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045?; (2) Những ý tưởng mới, tinh thần mới, nội dung mới của Nghị quyết lần này là gì?; (3) Chúng ta cần làm gì và làm như thế nào để tổ chức thực hiện có kết quả những mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết lần này của Bộ Chính trị đề ra, biến Nghị quyết thành hiện thực sinh động?

1. Vì sao lúc này Bộ Chính trị lại bàn và ra Nghị quyết về vùng trung du và miền núi Bắc Bộ?

Như các đồng chí đã biết, về địa chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh, nước ta chia thành sáu vùng, bao gồm: (1) Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; (2) Vùng đồng bằng sông Hồng; (3) Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; (4) Vùng Tây Nguyên; (5) Vùng Đông Nam Bộ và (6) Vùng đồng bằng sông Cửu Long. Mỗi vùng đều có những đặc điểm, tiềm năng, lợi thế cũng như khó khăn, thách thức mang tính đặc thù riêng. Để phát huy được tiềm năng, lợi thế của mỗi vùng và cả nước, bên cạnh những chủ trương, chính sách phát triển chung cho cả nước cũng cần phải có các chủ trương, chính sách phát triển cụ thể, sát hợp, phù hợp với từng vùng; khắc phục tình trạng tỉnh nào cũng xin cơ chế, chính sách đặc thù,

ưu đãi riêng, không phù hợp với những nguyên tắc chung cơ bản của kinh tế thị trường là thống nhất và bình đẳng. Chính vì vậy, Bộ Chính trị các khóa trước cũng đã ban hành một số nghị quyết chuyên đề về phát triển vùng và giao cho Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình hành động và các cơ chế, chính sách phù hợp với từng thời kỳ để đưa Nghị quyết vào cuộc sống; coi đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển nhanh, bền vững của mỗi vùng và cả nước.

Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm 14 tỉnh trực tiếp nằm trong vùng và 21 huyện, 1 thị xã phía tây của hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An, có đường biên giới phía bắc giáp Trung Quốc, phía tây giáp Thượng Lào, phía đông giáp đồng bằng sông Hồng, phía nam giáp Bắc Trung Bộ; với tổng diện tích toàn vùng khoảng 116.898 km², chiếm 35% diện tích tự nhiên của cả nước, với nhiều tài nguyên, khoáng sản quý hiếm; có hơn 30 dân tộc anh em đang sinh sống, với dân số toàn vùng 14,7 triệu người, chiếm khoảng 15,2% dân số cả nước; nhân dân trong vùng đoàn kết, cần cù lao động, giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Đây là một địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; cửa ngõ phía tây và phía bắc của quốc gia. Đồng thời, đây cũng là vùng có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển bền vững với nhiều loại tài nguyên, khoáng sản quý, hiếm; diện tích đồi rừng rộng lớn, cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp; nhiều di sản văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số để phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái của cả vùng Bắc Bộ.

Xuất phát từ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của vùng, ngày 01/7/2004, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 37-NQ/TW; Bộ Chính trị khóa XI đã tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ban hành Kết luận số 26-KL/TW ngày 02/8/2012 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010 và thời kỳ 2011 - 2020. Sau 17 năm thực hiện Nghị quyết và Kết luận của Bộ Chính trị khóa IX và khóa XI, các địa phương trong vùng đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng và khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của vùng. Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, được quan tâm đầu tư, giúp cải thiện đáng kể sự kết nối giữa các tỉnh trong vùng và giữa vùng với cả nước. Một số địa phương đã có sự phát triển bứt phá, tạo nên những điểm sáng trong vùng và cả nước. Toàn vùng đã đạt được nhiều kết quả, thành tích quan trọng như nêu trong Nghị quyết và Báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả, thành tích đã đạt được, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ cũng còn không ít hạn chế, yếu kém. Tiềm năng, lợi thế của vùng vẫn chưa được khai thác hợp lý và phát huy hiệu quả. Trung du và miền núi Bắc Bộ vẫn là “vùng trũng” trong phát triển và là “lõi nghèo” của cả nước, liên kết vùng còn yếu. Khoảng cách về trình độ phát triển và thu nhập bình quân đầu người trong nội vùng so với bình quân chung của cả nước tiếp tục gia tăng. Quy mô kinh tế còn nhỏ; tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, chất lượng chưa cao. Cơ cấu nội ngành và giữa các ngành kinh tế chuyển dịch còn chậm. Các địa phương trong vùng đều chưa cân đối được ngân sách. Hoạt động hợp tác, kết nối với các

địa phương ngoài vùng, với các tỉnh của Lào và Trung Quốc còn khiêm tốn. Phát triển văn hóa - xã hội vẫn còn nhiều bất cập. Một số phong tục, tập quán, hủ tục lạc hậu còn tồn tại. Chất lượng giáo dục và đào tạo ở một số địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu. Tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp hơn mức trung bình của cả nước. Một số chỉ số về chăm sóc sức khỏe nhân dân còn ở mức thấp. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kết quả giảm nghèo chưa bền vững. Tình hình an ninh, trật tự trên một số lĩnh vực, tại một số địa bàn chưa thực sự vững chắc...

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phấn đấu đến năm 2030 nước ta trở thành *nước đang phát triển* có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 nước ta trở thành *nước phát triển*, thu nhập cao; đồng thời định hướng phát triển vùng theo hướng: “khai thác tốt hơn và phát huy tốt nhất các lợi thế của mỗi vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế - chính trị, nguồn nhân lực và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới...”¹. Tình hình thế giới, khu vực và trong nước, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức mới đan xen...

Thực tế trên đây đã đặt ra yêu cầu chúng ta phải tiến hành tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX; Kết luận số 26-KL/TW của Bộ Chính trị

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.144 (B.T).

khóa XI và ban hành Nghị quyết mới về vấn đề đặc biệt quan trọng này. Đây cũng là việc làm hết sức có ý nghĩa và cần thiết, thể hiện trách nhiệm của toàn Đảng và cả nước đối với đồng bào các dân tộc vùng trung du, miền núi Bắc Bộ - là vùng cơ sở cách mạng, vùng kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đúng với truyền thống đoàn kết, thủy chung, nghĩa tình của dân tộc Việt Nam ta, như nhà thơ Tố Hữu đã từng viết trong bài thơ *Việt Bắc*:

*“Mình về thành thị xa xôi
Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng?
Phố đông còn nhớ bản làng
Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?
Mình đi ta hỏi thăm chừng
Bao giờ Việt Bắc từng bừng thêm vui?”...*

2. Những ý tưởng mới, tinh thần mới, nội dung mới của Nghị quyết Bộ Chính trị lần này là gì?

Có ba điểm mới đáng chú ý như sau:

Một là, về quan điểm, nhận thức và tư tưởng chỉ đạo: Nghị quyết lần này đã kế thừa, bổ sung, phát triển ba quan điểm rất ngắn gọn của Nghị quyết số 37-NQ/TW thành năm quan điểm chỉ đạo mới, phù hợp với tình hình, bối cảnh mới. Ở đây có nhiều nội dung thể hiện rất rõ tinh thần đổi mới, quyết tâm rất cao của Đảng ta quyết tạo sự chuyển biến có tính đột phá trong phát triển vùng trung du và miền núi Bắc Bộ - nơi “*địa đầu*”, “*phên giậu*”, “*lá phổi*” của Tổ quốc; là vùng đất có bề dày lịch sử với nhiều di sản văn hóa đặc sắc, nhất là của đồng bào các dân tộc thiểu số; có truyền thống cách mạng vẻ vang; là “*cội nguồn dân tộc*”; và “*cái nôi của cách mạng Việt Nam*”; là nơi có

các di tích gắn với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta như di tích Đền Hùng (Phú Thọ), Hang Pác Bó (Cao Bằng), Cây đa Tân Trào và An toàn khu (Tuyên Quang), Điện Biên Phủ (Điện Biên)...; đảng bộ, chính quyền và nhân dân các tỉnh trong vùng luôn có truyền thống yêu nước, đoàn kết, thống nhất và có ý chí, quyết tâm cao. Điều này cũng đã được thể hiện rõ qua những câu thơ trong bài thơ *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu:

*“Mười lăm năm ấy, ai quên
 Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa
 Mình về mình có nhớ ta
 Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào”.*

Thời gian qua, nhất là từ khi ban hành Nghị quyết số 37-NQ/TW, Đảng và Nhà nước ta đã xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, chính sách tập trung ưu tiên phát triển vùng, đạt được nhiều kết quả, thành tích quan trọng nhưng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém (như đã nêu ở trên). Vì vậy, để tạo sự chuyển biến có tính đột phá, chúng ta phải nhận thức thật sâu và xác định thật rõ: *Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng cả về kinh tế - xã hội; môi trường sinh thái lẫn quốc phòng, an ninh và đối ngoại*. Phát triển nhanh và bền vững vùng, từng bước thu hẹp trình độ phát triển và mức sống của nhân dân trong vùng so với các vùng khác trong cả nước; coi đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng, có ý nghĩa không chỉ về kinh tế - xã hội mà còn là, và *trước hết là về chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại* của các địa phương trong vùng và cả nước.

Phải đặt vấn đề phát triển vùng trong tổng thể phát triển chung của cả nước, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh

tế - xã hội của cả nước, bảo đảm thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia; phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược *tăng trưởng xanh* quốc gia. Chú ý phát triển và khai thác tối đa kết cấu hạ tầng hiện có, nhằm phát huy cao nhất *tiềm năng, lợi thế toàn vùng, từng tiểu vùng và từng địa phương trong vùng*; hình thành *các hành lang kinh tế, một số vùng động lực, các cực tăng trưởng*; phát triển các chuỗi ngành kinh tế, vùng đô thị và công nghiệp, nhằm *tạo sự bứt phá cho toàn vùng*; xây dựng cơ chế liên kết và điều phối phát triển vùng một cách tích cực, có hiệu lực, hiệu quả; mở rộng quan hệ đối ngoại, nhất là với các địa phương của hai nước bạn có chung đường biên giới với nước ta.

Đồng thời, phải khẩn trương *xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu tiên đặc biệt, phù hợp* với điều kiện cụ thể của vùng; cải thiện mạnh môi trường đầu tư và kinh doanh để thu hút, sử dụng có hiệu quả nguồn lực của các thành phần kinh tế, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân, cho phát triển những ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế. Tập trung ưu tiên nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cho hạ tầng giao thông và những địa bàn xa xôi, đặc biệt khó khăn; coi đây là vấn đề có ý nghĩa trọng yếu đối với việc bảo đảm quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái. Thường xuyên quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trong đồng bào dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc

biên giới của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội...

Hai là, về mục tiêu: Có thể xem đây là nội dung hoàn toàn mới. Nếu như Nghị quyết số 37-NQ/TW chỉ đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2010 thì Nghị quyết lần này đã xác định rất rõ mục tiêu tổng quát và một số chỉ tiêu cụ thể *đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*, thể hiện rõ khát vọng, ý chí và quyết tâm rất cao của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta, nhất là cấp ủy, chính quyền và đồng bào các dân tộc trong vùng: *Phấn đấu đến năm 2030*, “vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện, trên cơ sở tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết nội vùng và với vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản; kinh tế cửa khẩu, du lịch; bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn; đẩy mạnh trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ môi trường, an ninh sinh thái và an ninh nguồn nước. Một số tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá của cả nước; bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường” và *đến năm 2045* “vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện; hình mẫu phát triển xanh của cả nước, trong đó có khoảng 50% số tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá trong cả nước...”.